TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2024
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thùy Lê và ông Trần Sáu.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị E** – sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú: thôn L, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: thôn T1, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Mai Tấn N** – sinh năm 1975; Hộ khẩu thường trú: thôn L, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị E trình bày: chị và anh N tự nguyện tìm hiểu nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung hạnh phúc nhưng từ năm 2022, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng lẫn nhau. Từ tháng 5/2022 âm lịch chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay. Chị và anh N không còn sống chung với nhau, không còn tình thương với nhau. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh N được nữa. Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh N.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị và anh N có 02 con chung tên Mai Thị Mộng T – sinh năm 1997 và Mai Tấn Q – sinh năm 2001. Các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, anh Mai Tấn N trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị E, anh chị tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Từ tháng 5/2022 âm lịch, anh chị xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau, không còn thương nhau. Đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị E.

Về con chung: Anh thống nhất với trình bày của chị E, anh chị có 02 con chung tên Mai Thị Mộng T – sinh năm 1997 và Mai Tấn Q – sinh năm 2001. Các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị E. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị E và anh Mai Tấn N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị E khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Mai Tấn N. Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện giữa chị Nguyễn Thị E và anh Mai Tấn N không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng". Bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn. Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị E và anh N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh chị không còn sống chung từ khoảng tháng 5/2022 đến nay.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ thể hiện: không có thủ tục đăng ký kết hôn của chị Nguyễn Thị E và anh Mai Tấn N. Qua các lần hòa giải dù đã được giải thích pháp luật để các bên đến Ủy ban nhân dân xã C thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nhưng các bên đương sự không đồng ý và đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị E và anh N.

Về con chung: Chị E và anh N thống nhất: Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Mai Thị Mộng T – sinh năm 1997 và Mai Tấn Q – sinh năm 2001. Các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị E phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị E và anh Mai Tấn N.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị E phải chịu **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0010535, ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị E đã nộp đủ.

- Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

Lê Thị Xuân Hương